



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**QCVN 01 - 75: 2011/BNNPTNT**

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ  
KHẢO NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỎ GIỐNG**

*National technical regulation on  
experiment, testing breeding rabbits*

HÀ NỘI – 2011

## **Lời nói đầu**

QCVN 01 - 75: 2011/BNNPTNT do Cục Chăn nuôi biên soạn, Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường trình duyệt, và được ban hành theo Thông tư số 72 /TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 10 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

# **QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ KHẢO NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỎ GIỐNG**

## ***National technical regulation on experiment, testing breeding rabbits***

### **I. QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **1.1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chuẩn này quy định về khảo nghiệm, kiểm định thỏ giống.

#### **1.2. Đối tượng áp dụng**

Quy chuẩn này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến khảo nghiệm, kiểm định thỏ giống tại Việt Nam.

#### **1.3. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy chuẩn này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.3.1. Khảo nghiệm thỏ giống là việc chăm sóc, nuôi dưỡng, theo dõi trong điều kiện và thời gian nhất định thỏ giống mới nhập khẩu lần đầu hoặc thỏ giống mới được tạo ra trong nước nhằm xác định tính khác biệt, tính ổn định, tính đồng nhất về năng suất, chất lượng của giống đó.

1.3.2. Kiểm định thỏ giống là việc kiểm tra, đánh giá lại năng suất, chất lượng của thỏ giống sau khi đưa ra sản xuất.

### **II. QUY ĐỊNH KỸ THUẬT**

#### **2.1. Quy định lấy mẫu**

Tiến hành chọn mẫu ngẫu nhiên trong toàn đàn giống.

##### **2.1.1. Đối với khảo nghiệm, kiểm định thỏ cái giống**

###### **a) Khảo nghiệm:**

Số lượng thỏ cái giống cần cho khảo nghiệm không ít hơn 30 con (trong trường hợp số lượng nhỏ hơn 30 con thì tiến hành khảo nghiệm trên toàn đàn)

###### **b) Kiểm định:**

- Số lượng thỏ hậu bị (trong đó khoảng 50% thỏ đực và 50% thỏ cái) cần cho kiểm định không ít hơn 30 con và không lớn hơn 60 con.

- Số lượng thỏ (được sinh ra từ đàn cái giống) để mổ khảo sát tối thiểu là 03 con cho mỗi tính biệt, chưa được vỗ béo ở thời điểm 4 tháng tuổi.

### **2.1.2. Đối với khảo nghiệm, kiểm định thỏ đực giống**

- Số lượng thỏ đực giống cần cho khảo nghiệm, kiểm định không ít hơn 10 con

- Số lượng thỏ cái sử dụng để phối giống bằng nhảy trực tiếp không ít hơn 10 con đối với mỗi thỏ đực giống.

### **2.2. Thời gian, địa điểm khảo nghiệm, kiểm định**

#### **2.2.1. Thời gian khảo nghiệm, kiểm định**

a) Thời gian khảo nghiệm:

- Đối với thỏ giống nhập khẩu lần đầu: Tính từ thời điểm nhập khẩu đến kết thúc theo dõi tất cả các chỉ tiêu.

- Đối với thỏ giống tạo ra trong nước: Tính từ khi sơ sinh đến kết thúc theo dõi tất cả các chỉ tiêu.

b) Thời gian kiểm định:

Tính từ khi sơ sinh đến kết thúc các chỉ tiêu kỹ thuật được yêu cầu kiểm định.

#### **2.2.2. Địa điểm khảo nghiệm, kiểm định**

Tại cơ sở đăng ký hoạt động khảo nghiệm, kiểm định thỏ giống đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định

### **2.3. Chăm sóc, nuôi dưỡng**

Tuân thủ theo đúng quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng của đơn vị cung cấp thỏ giống đã công bố.

### **2.4. Các chỉ tiêu kỹ thuật**

- Đối với khảo nghiệm: thực hiện kiểm tra, theo dõi đối với tất cả các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định trong bảng 1.

- Các chỉ tiêu làm căn cứ đánh giá là các chỉ tiêu trong hồ sơ công bố chất lượng con giống của đơn vị có giống cần khảo nghiệm cung cấp. Một số chỉ tiêu không trực tiếp theo dõi được sẽ tạm thời chấp nhận kết quả của đơn vị kiểm tra chất lượng được cơ quan có thẩm quyền công nhận.

- Đối với kiểm định: chỉ thực hiện kiểm tra, theo dõi các chỉ tiêu kỹ thuật được yêu cầu.

**Bảng 1. Các chỉ tiêu kỹ thuật đối với thỏ giống**

TT	Chỉ tiêu kỹ thuật	Đơn vị tính	Thỏ Newzealand	Thỏ Cali	Thỏ Đen	Thỏ Xám
<b>I</b>	<b>Đối với thỏ đực, cái hậu bị</b>					
	<b>Chỉ tiêu về khối lượng</b>					
1	Khối lượng sơ sinh	g	55	50	43	40
2	Khối lượng 1 tháng	g	600	550	420	400
3	Khối lượng 3 tháng	kg	2,2	2,1	1,5	1,5
4	Khối lượng 4 tháng		2,5	2,4	1,8	1,8
5	Khối lượng 6 tháng	kg	3,3	3,1	2,4	2,3
6	Khối lượng 12 tháng	kg	4,7	4,5	3,0	2,8
	<b>Chỉ tiêu về sản xuất</b>					
7	Tỷ lệ thịt mót hàm thời điểm 4 tháng tuổi	%	50	50	40	40
<b>II</b>	<b>Đối với thỏ cái sinh sản</b>					
8	Khối lượng phối giống lần đầu (không nhỏ hơn)	kg/con	3,1	2,9	2,4	2,3
9	Tuổi đẻ lứa đầu (không lớn hơn)	ngày	215	215	185	185
10	Số lứa đẻ/cái/năm (không nhỏ hơn)	lứa	5,5	5,0	5,0	5,0
11	Số con đẻ ra còn sống (không nhỏ hơn)	con/ổ	6,5	6,5	6,0	6,0
12	Số con cai sữa/lứa (không nhỏ hơn)	con	5,0	4,6	4,5	4,5
<b>III</b>	<b>Đối với thỏ đực giống</b>					
13	Tuổi phối giống (không lớn hơn)	ngày	210	210	180	180
14	Khối lượng phối giống lần đầu (không nhỏ hơn)	kg	3.3	3.2	2.4	2.3
15	Tỷ lệ phối giống có chửa (không nhỏ hơn)	%	75	75	75	75

## 2.5. Phương pháp xác định các chỉ tiêu kỹ thuật

### 2.5.1. Phương pháp xác định khối lượng

- Khối lượng cơ thể thỏ, tính bằng kilogram, khối lượng được xác định bằng cân điện tử hoặc cân đồng hồ. Độ chính xác của cân  $\pm 0,01$  kg.

- Cân thỏ vào buổi sáng sớm trước khi cho ăn, uống.

- Đối với thỏ sơ sinh, cân sau khi đã lau khô lông da và sau khi thỏ đẻ 1-2 giờ.

### 2.5.2. Phương pháp xác định các chỉ tiêu sinh sản

#### a) Đối với thỏ cái giống

- Khối lượng phôi giống lần đầu (kg): xác định tại thời điểm thỏ được phối giống lần đầu, phương pháp xác định theo mục 2.5.1.

- Tuổi đẻ lứa đầu (ngày): tính từ thời điểm sơ sinh tới khi thỏ đẻ lần đầu.

- Số con đẻ ra còn sống (con/lứa): là tổng số con đẻ ra còn sống sau 24 giờ của 1 lứa đẻ/cái sinh sản.

- Số con cai sữa/lứa (con): là tổng số con còn sống sau 30 ngày tuổi của một lứa đẻ.

- Số lứa đẻ/cái/năm (lứa): Là số lứa đẻ của một cái sinh sản trong một năm.

#### b) Đối với thỏ đực giống

- Tuổi phối giống lần đầu (ngày): tính từ thời điểm sơ sinh tới khi thỏ phối giống trực tiếp lần đầu.

- Khối lượng phôi giống lần đầu (kg): xác định tại thời điểm thỏ phối giống trực tiếp lần đầu, phương pháp xác định theo mục 2.5.1.

### 2.5.4. Phương pháp xác định các chỉ tiêu sản xuất

#### a) Đối với thỏ đực, cái hậu bị

- Phương pháp xác định tỷ lệ thịt mót hàm.

+ Thỏ trước khi giết mổ phải nhịn đói 12h.

+ Cân khối lượng thỏ sống ngay trước khi giết mổ.

- Khối lượng thịt mót hàm là khối lượng cơ thể thỏ sau khi đã lọc da, phủ tạng (cơ quan tiêu hóa, hô hấp, sinh dục, tiết niệu và tim gan) và bốn chân (tính từ gối trở xuống).

+ Các giá trị khối lượng tính bằng kilogram, được xác định bằng cân điện tử hoặc cân đồng hồ, độ chính xác của cân  $\pm 0,01$  kg.

+ Kết quả để đánh giá chất lượng là giá trị trung bình cộng của tất cả các thử mẫu khảo sát.

Công thức tính tỷ lệ thịt mót hàm:

$$\text{- Tỷ lệ thịt mót hàm (\%)} = \frac{\text{Khối lượng thịt mót hàm}}{\text{Khối lượng thử sống}} \times 100$$

b) Đối với thử đực giống

Phương pháp xác định tỷ lệ phối giống có chửa (%):

Mỗi thử đực được phối 10 lần trên 10 thử cái tương đồng nhau (mỗi lần phối gồm 2 lần phối kép: lần thứ nhất cách lần thứ hai từ 6 - 9 giờ).

Tỷ lệ phối giống có chửa được tính theo công thức:

$$\text{- Tỷ lệ thụ thai (\%)} = \frac{\text{Số con có chửa}}{\text{Số con được phối}} \times 100$$

### III. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ

#### 3.1. Chứng nhận hợp quy

3.1.1. Giống thử của các cơ sở sản xuất, kinh doanh phải được chứng nhận hợp quy về các chỉ tiêu kỹ thuật theo các quy định tại Quy chuẩn này và chịu sự giám sát của cơ quan quản lý có thẩm quyền.

3.1.2. Phương thức đánh giá, chứng nhận hợp quy thực hiện theo Thông tư số 83/2009/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 12 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

#### 3.2. Công bố hợp quy

3.2.1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thử giống phải thực hiện công bố hợp quy và đăng ký hợp quy tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nơi tổ chức, cá nhân đăng ký hoạt động sản xuất, kinh doanh.

3.2.2. Thử giống của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh lưu thông trên thị trường phải có dấu chứng nhận hợp quy đóng trên giấy chứng nhận chất lượng con giống.

3.2.3. Hoạt động công bố hợp quy phải đáp ứng các yêu cầu về công bố hợp quy quy định tại Thông tư số 83/2009/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 12 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

#### 3.3. Giám sát, xử lý vi phạm

3.3.1. Cục Chăn nuôi, các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện Quy chuẩn này theo phân công, phân cấp của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3.3.2. Việc thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm phải tuân thủ theo quy định pháp luật hiện hành.

### **3.4. Tổ chức thực hiện**

3.4.1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân đã nêu tại Mục 1.2 phải áp dụng Quy chuẩn này.

3.4.2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao Cục Chăn nuôi phổ biến, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện Quy chuẩn này.

3.4.3. Trong trường hợp các quy định tại Quy chuẩn này có sự thay đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định nêu tại văn bản mới do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

3.4.4. Trong trường hợp Việt Nam ký kết hiệp định song phương hoặc đa phương mà có những điều khoản khác với quy định trong Quy chuẩn này thì thực hiện theo điều khoản của hiệp định song phương hoặc đa phương đó./.

---